

Mẫu HHK-6. Báo cáo số liệu chậm, hủy chuyến (hàng ngày)

Đơn vị thực hiện báo cáo:.....

Cơ quan nhận báo cáo: .....

Thời hạn gửi báo cáo: .....

Kỳ báo cáo: .....

Cảng hàng không/Toàn mạng cảng hàng không Việt Nam:.....

Số chuyến bay thực hiện trong ngày: .....

**I. THỐNG KÊ CHUYẾN BAY BỊ CHẬM**

| Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                          | Mã  |     | Số chuyến bay bị chậm |                    |            |           | Tổng thời gian chậm |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----------------------|--------------------|------------|-----------|---------------------|
|                                                                                                                                                                                                                      |     |     | trên 15'-2 giờ        | trên 2 giờ - 3 giờ | trên 3 giờ | Tổng chậm |                     |
| (1)                                                                                                                                                                                                                  | (2) | (3) | (4)                   | (5)                | (6)        | (7)       | (8)                 |
| <b>1. Nguyên nhân chủ quan</b>                                                                                                                                                                                       |     |     |                       |                    |            |           |                     |
| <b>1.1. Trang thiết bị và dịch vụ tại cảng hàng không</b>                                                                                                                                                            |     |     |                       |                    |            |           |                     |
| - Kiểm tra an ninh                                                                                                                                                                                                   | AS  | 85  |                       |                    |            |           |                     |
| - Xuất nhập cảnh, hải quan, y tế                                                                                                                                                                                     | AG  | 86  |                       |                    |            |           |                     |
| - Trang thiết bị tại sân bay, các vị trí đỗ, ùn tắc tại sân đỗ, các giới hạn về đèn hiệu, các tòa nhà cao tầng, cửa ra tàu bay...                                                                                    | AF  | 87  |                       |                    |            |           |                     |
| - Hạn chế tại sân bay đến: sân bay hoặc đường HCC đóng cửa do chương ngại vật hoặc thời tiết, hoạt động khai thác, bất ổn chính trị, hạn chế của nhân viên, phải giảm tiếng ồn, chuyến bay đặc biệt, hạn chế bay đêm | AD  | 88  |                       |                    |            |           |                     |
| - Hạn chế tại sân bay đi do hạn chế về điều hành bay: sân bay hoặc đường HCC đóng cửa do                                                                                                                             | AM  | 89  |                       |                    |            |           |                     |

|                                                                                                                                                                                                              |    |    |  |  |  |  |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|--|--|
| chương ngại vật hoặc thời tiết, hoạt động khai thác, bất ổn chính trị, hạn chế của nhân viên, phải giảm tiếng ồn, chuyến bay đặc biệt, hạn chế bay đêm                                                       |    |    |  |  |  |  |  |
| - Hệ thống làm thủ tục hành khách, hành lý hồng                                                                                                                                                              | ED | 55 |  |  |  |  |  |
| - Hệ thống làm thủ tục hàng hóa hồng                                                                                                                                                                         | EC | 56 |  |  |  |  |  |
| - Hệ thống làm thủ tục bay hồng                                                                                                                                                                              | EF | 57 |  |  |  |  |  |
| - Các hệ thống khác tại cảng hàng không hồng                                                                                                                                                                 | EO | 58 |  |  |  |  |  |
| <b>1.2. Quản lý bay</b>                                                                                                                                                                                      |    |    |  |  |  |  |  |
| - Tắc nghẽn luồng không lưu trong điều kiện tiêu chuẩn của nhu cầu và khả năng đáp ứng của đường hàng không khi điều hành bay đường dài                                                                      | AT | 81 |  |  |  |  |  |
| - Tắc nghẽn luồng không lưu trong điều kiện bất thường về nhu cầu và khả năng đáp ứng của đường hàng không khi điều hành bay đường dài                                                                       | AX | 82 |  |  |  |  |  |
| - Hạn chế tại điểm đến do sân bay hoặc đường cất hạ cánh đóng cửa do chương ngại vật, hoạt động khai thác, bất ổn chính trị, hạn chế của nhân viên, phải giảm tiếng ồn, chuyến bay đặc biệt, hạn chế bay đêm | AE | 83 |  |  |  |  |  |
| - Hạn chế trong điều hành bay do thời tiết tại điểm đến                                                                                                                                                      | AW | 84 |  |  |  |  |  |
| <b>1.3. Hãng hàng không</b>                                                                                                                                                                                  |    |    |  |  |  |  |  |
| <b>1.3.1. Kỹ thuật</b>                                                                                                                                                                                       |    |    |  |  |  |  |  |
| - Tàu bay bị hồng                                                                                                                                                                                            | TD | 41 |  |  |  |  |  |
| - Bảo dưỡng định kỳ nhưng bị kết thúc muộn so với kế hoạch                                                                                                                                                   | TM | 42 |  |  |  |  |  |
| - Bảo dưỡng đột xuất; các việc kiểm tra phát sinh sau bảo dưỡng định kỳ                                                                                                                                      | TN | 43 |  |  |  |  |  |
| - Thiết bị phụ tùng, bảo dưỡng bị thiếu, hồng                                                                                                                                                                | TS | 44 |  |  |  |  |  |
| - Phụ tùng thay thế cho tàu bay hồng phải chờ mang tới từ địa điểm khác                                                                                                                                      | TA | 45 |  |  |  |  |  |
| - Thay thế tàu bay vì lý do kỹ thuật                                                                                                                                                                         | TC | 46 |  |  |  |  |  |

|                                                                                                                                            |        |        |  |  |  |  |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--|--|--|--|--|
| - Tàu bay dự phòng không đưa được vào theo kế hoạch vì lý do kỹ thuật                                                                      | TL     | 47     |  |  |  |  |  |
| - Thay đổi chủng loại, tải trọng (số ghế) tàu bay so với kế hoạch                                                                          | TV     | 48     |  |  |  |  |  |
| <i>1.3.2. Chờ chuyển khách, hàng hóa, hành lý từ các chuyến bay khác</i>                                                                   | RL     | 91     |  |  |  |  |  |
| <i>1.3.3. Tổ bay, khai thác bay</i>                                                                                                        |        |        |  |  |  |  |  |
| - Kế hoạch bay (tài liệu chuyển bay, các thay đổi chuyển bay) hoàn thành muộn                                                              | FP     | 61     |  |  |  |  |  |
| - Các thay đổi về khai thác như lượng xăng, lượng tải                                                                                      | FF     | 62     |  |  |  |  |  |
| - Tổ bay đến muộn hoặc quá trình chuẩn bị khởi hành bị muộn không vì nguyên nhân tổ bay nối chuyển hoặc chuyển sân                         | FT, FL | 63, 66 |  |  |  |  |  |
| - Các hạn chế đối với tổ bay như bị ốm đột xuất, chờ tổ bay dự bị, các giới hạn về thời gian bay, các giấy tờ về y tế, thị thực của tổ bay | FS, FC | 64, 67 |  |  |  |  |  |
| - Các yêu cầu đặc biệt đối với tổ bay chuyển sân không liên quan đến các yêu cầu về khai thác                                              | FR, FA | 65, 68 |  |  |  |  |  |
| - Các yêu cầu của cơ trường đối với việc kiểm tra an ninh không liên quan đến các yêu cầu về khai thác                                     | FB     | 69     |  |  |  |  |  |
| <i>1.3.4. Phục vụ mặt đất</i>                                                                                                              |        |        |  |  |  |  |  |
| - Tổng hợp tài liệu chuyển bay (bảng cân bằng trọng tải, bản kê hành khách...) bị chậm, không chính xác                                    | GD     | 31     |  |  |  |  |  |
| - Ảnh hưởng của việc bốc/dỡ hành lý đặc biệt, quá khổ; thiếu nhân viên                                                                     | GL     | 32     |  |  |  |  |  |
| - Thiết bị bốc/dỡ bị thiếu, hỏng; thiếu nhân viên                                                                                          | GE     | 33     |  |  |  |  |  |
| - Thiết bị phục vụ bị thiếu, hỏng; thiếu nhân viên                                                                                         | GS     | 34     |  |  |  |  |  |
| - Dọn vệ sinh tàu bay bị chậm                                                                                                              | GC     | 35     |  |  |  |  |  |
| - Việc tra, nạp xăng dầu bị chậm                                                                                                           | GF     | 36     |  |  |  |  |  |
| - Cung cấp suất ăn bị chậm                                                                                                                 | GB     | 37     |  |  |  |  |  |

|                                                                                                        |        |        |  |  |  |  |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--|--|--|--|--|
| - Mâm hàng (ULD) bị thiếu hoặc đang bảo trì                                                            | GU     | 38     |  |  |  |  |  |
| - Trang thiết bị kỹ thuật bị thiếu, hỏng; thiếu nhân viên                                              | GT     | 39     |  |  |  |  |  |
| <i>1.3.5. Sắp xếp lịch bay</i>                                                                         |        |        |  |  |  |  |  |
| - Chưa được sắp xếp cửa ra tàu bay theo kế hoạch do ảnh hưởng của chuyến bay khác đang sử dụng         | OA     | 6      |  |  |  |  |  |
| - Thời gian quay đầu tàu bay ít hơn so với thời gian quay đầu tối thiểu đã thể hiện                    | SG     | 9      |  |  |  |  |  |
| <i>1.3.6. Hành khách và hành lý, hàng hóa, bưu gửi</i>                                                 |        |        |  |  |  |  |  |
| - Kết sổ chuyến bay muộn so với thời gian đóng quầy dự kiến để giải quyết khách sổ chờ                 | PD     | 11     |  |  |  |  |  |
| - Kết sổ chuyến bay muộn so với thời gian đóng quầy dự kiến do ùn tắc, quá tải tại khu vực làm thủ tục | PL     | 12     |  |  |  |  |  |
| - Có lỗi khi làm thủ tục đối với hành khách, hành lý                                                   | PE     | 13     |  |  |  |  |  |
| - Chuyến bay bán quá lượng tải cung ứng; lỗi hệ thống đặt chỗ                                          | PO, CO | 14, 25 |  |  |  |  |  |
| - Phục vụ khách VIP, báo chí; thất lạc hành lý cá nhân                                                 | PS     | 16     |  |  |  |  |  |
| - Đặt suất ăn bị chậm hoặc đặt không đúng tới nhà cung cấp                                             | PC     | 17     |  |  |  |  |  |
| - Quy trình xử lý, phân loại hành lý                                                                   | PB     | 18     |  |  |  |  |  |
| - Có lỗi khi làm tài liệu hàng hóa, bưu gửi                                                            | CD, CE | 21, 27 |  |  |  |  |  |
| - Tập kết hàng hóa, bưu gửi đến vị trí muộn                                                            | CP, CL | 22, 28 |  |  |  |  |  |
| - Chậm trong việc chấp nhận vận chuyển hàng hóa, bưu gửi                                               | CC, CA | 23, 29 |  |  |  |  |  |
| - Quy cách đóng gói không phù hợp                                                                      | CI     | 24     |  |  |  |  |  |
| - Chuẩn bị, thu xếp kho hàng muộn                                                                      | CU     | 26     |  |  |  |  |  |

|                                                                                                                                                                    |           |           |  |  |  |  |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--|--|--|--|--|
| <i>1.3.7. Ảnh hưởng chặng trước</i>                                                                                                                                |           |           |  |  |  |  |  |
| - Có lỗi trong hệ thống làm thủ tục thăng cho hành khách, hành lý nối chuyến                                                                                       | RT        | 92        |  |  |  |  |  |
| - Chờ tổ bay tới từ chuyến bay khác                                                                                                                                | RS,<br>RC | 94,<br>95 |  |  |  |  |  |
| - Do hoạt động điều hành khai thác của hãng trong việc đổi hành trình, chuyển hướng, ghép chuyến bay, thay đổi tàu bay không vì lý do kỹ thuật                     | RO        | 96        |  |  |  |  |  |
| <i>1.3.8. Lý do khác liên quan đến hoạt động của hãng hàng không</i>                                                                                               | MI        | 97        |  |  |  |  |  |
| <b>2. Nguyên nhân khách quan</b>                                                                                                                                   |           |           |  |  |  |  |  |
| <b>2.1. Thời tiết</b>                                                                                                                                              |           |           |  |  |  |  |  |
| - Thời tiết tại điểm xuất phát                                                                                                                                     | WO        | 71        |  |  |  |  |  |
| - Thời tiết tại điểm đến                                                                                                                                           | WT        | 72        |  |  |  |  |  |
| - Thời tiết trên đường bay hoặc tại sân bay dự bị                                                                                                                  | WR        | 73        |  |  |  |  |  |
| - Dọn tuyết/băng trên thân tàu bay                                                                                                                                 | WI        | 75        |  |  |  |  |  |
| - Dọn tuyết/băng/cát/nước... tại sân bay                                                                                                                           | WS        | 76        |  |  |  |  |  |
| - Dịch vụ mặt đất bị ảnh hưởng vì thời tiết                                                                                                                        | WG        | 77        |  |  |  |  |  |
| <b>2.2. Lý do khác</b>                                                                                                                                             |           |           |  |  |  |  |  |
| - Tìm khách, khách đến cửa ra tàu bay muộn; dỡ hành lý của khách bị từ chối vận chuyển; khách từ chối tiếp tục hành trình...                                       | PH        | 15        |  |  |  |  |  |
| - Phục vụ người tàn tật khi lên/xuống tàu bay                                                                                                                      | PW        | 19        |  |  |  |  |  |
| - Tàu bay hư hại trong quá trình thực hiện chuyến bay (va phải chim, sét đánh, nhiễu động, hạ cánh quá tải, va chạm khi đang lăn)                                  | DF        | 51        |  |  |  |  |  |
| - Tàu bay hư hại khi đang trên mặt đất (không trong giai đoạn lăn) do va chạm, hư hại khi chất xếp/dỡ tải, kéo tàu bay, ngập nước, điều kiện thời tiết khắc nghiệt | DG        | 52        |  |  |  |  |  |
| - Các lý do khách quan khác                                                                                                                                        | MO,<br>MX | 98,<br>99 |  |  |  |  |  |
| <b>3. Tàu bay về muộn</b>                                                                                                                                          | RA        | 93        |  |  |  |  |  |

|                                                                                                                                                                                    |                                       |                                       |  |  |  |  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|--|--|--|--|--|
| <b>3.1. Tàu bay về muộn vì lý do chủ quan</b>                                                                                                                                      |                                       |                                       |  |  |  |  |  |
| 3.1.1. Do trang thiết bị, dịch vụ tại cảng hàng không xuất phát của chuyến bay trước                                                                                               |                                       |                                       |  |  |  |  |  |
| 3.1.2. Do hạn chế về điều hành bay tại cảng hàng không xuất phát của chuyến bay trước                                                                                              |                                       |                                       |  |  |  |  |  |
| 3.1.3. Do hoạt động khai thác của hãng hàng không tại cảng hàng không xuất phát của chuyến bay trước                                                                               |                                       |                                       |  |  |  |  |  |
| <b>3.2. Tàu bay về muộn vì lý do khách quan</b>                                                                                                                                    |                                       |                                       |  |  |  |  |  |
| - Do ảnh hưởng thời tiết chặng bay trước                                                                                                                                           | WO,<br>WT,<br>WR,<br>WI,<br>WS,<br>WG | 71,<br>72,<br>73,<br>75,<br>76,<br>77 |  |  |  |  |  |
| - Tìm khách, khách đến cửa ra tàu bay muộn;<br>Dỡ hành lý của khách bị từ chối vận chuyển;<br>Khách từ chối tiếp tục hành trình... của chặng bay trước                             | PH                                    | 15                                    |  |  |  |  |  |
| - Phục vụ người khuyết tật khi lên/xuống tàu bay của chặng bay trước                                                                                                               | PW                                    | 19                                    |  |  |  |  |  |
| - Tàu bay hư hại trong quá trình thực hiện chuyến bay của chặng trước (va phải chim, sét đánh, nhiễu động, hạ cánh quá tải, va chạm khi đang lăn)                                  | DF                                    | 51                                    |  |  |  |  |  |
| - Tàu bay hư hại khi đang trên mặt đất (không trong giai đoạn lăn) do va chạm, hư hại khi chất xếp/dỡ tải, kéo tàu bay, ngập nước, điều kiện thời tiết khắc nghiệt của chặng trước | DG                                    | 52                                    |  |  |  |  |  |
| - Chặng bay trước bị chậm vì tàu bay về muộn (chạm dây chuyền)                                                                                                                     |                                       |                                       |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng chậm (1+2+3)</b>                                                                                                                                                           |                                       |                                       |  |  |  |  |  |

## 2. Thống kê chi tiết các chuyến bay bị chậm

| STT | Ngày | Loại tàu bay | Số đăng ký tàu bay | Số hiệu | Chặng bay | SOBT | AOBT | Thời gian chậm | Nguyên nhân chậm |
|-----|------|--------------|--------------------|---------|-----------|------|------|----------------|------------------|
|-----|------|--------------|--------------------|---------|-----------|------|------|----------------|------------------|

|                          |          |      |        |               |        |                        |       |     |                                                                          |
|--------------------------|----------|------|--------|---------------|--------|------------------------|-------|-----|--------------------------------------------------------------------------|
|                          |          |      |        | chuyến<br>bay |        |                        |       |     |                                                                          |
| 1                        | 9/1/2014 | A320 | VNA123 | AB123         | HANSGN | 14:00                  | 14:25 | 25  | WO (thời tiết tại<br>điểm xuất phát)                                     |
| 2                        | 9/1/2014 | A320 | VNA234 | AB122         | SGNHAN | 16:45                  | 17:10 | 25  | RA/WO (tàu bay về<br>muộn vì thời tiết<br>điểm xuất phát<br>chặng trước) |
| 3                        | 9/1/2014 | B737 | VNA111 | AB234         | HANVII | 5:55                   | 6:45  | 50  | WT (thời tiết tại<br>điểm đến)                                           |
| 4                        | 9/1/2014 | A321 | VNA112 | AB344         | SGNDAD | 6:05                   | 6:30  | 25  | PH (tìm khách)                                                           |
| ...                      | ...      |      |        |               |        |                        |       |     |                                                                          |
| Tổng số chuyến bay chậm: |          |      |        | 4             |        | Tổng thời gian<br>chậm |       | 125 |                                                                          |

II. THỐNG KÊ CHUYẾN BAY BỊ HỦY

1. Nguyên nhân

| Nguyên nhân      | Số chuyến bay hủy |
|------------------|-------------------|
| 1. Do thời tiết  |                   |
| 2. Do kỹ thuật   |                   |
| 3. Do thương mại |                   |
| 4. Do khai thác  |                   |
| 5. Lý do khác    |                   |
| Tổng             |                   |

2. Thống kê chi tiết chuyến bay bị hủy

| STT | Ngày<br>(DD/MM/YYYY) | Loại tàu<br>bay | Số đăng ký<br>tàu bay | Số hiệu<br>chuyến bay | Chặng bay | Nguyên nhân hủy<br>chuyến                         |
|-----|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------|
| 1   | 09/6/2023            | A320            | VNA123                | AB123                 | HANSGN    | Hủy chuyến vì lý do<br>thời tiết tại CHKQT<br>TSN |
| 2   | 09/6/2023            | A320            | VNA234                | AB122                 | SGNHAN    | Hủy chuyến vì lý do<br>thời tiết tại CHKQT<br>TSN |

|   |           |      |        |       |        |                              |
|---|-----------|------|--------|-------|--------|------------------------------|
| 3 | 09/6/2023 | B737 | VNA111 | AB234 | HANVII | Hủy chuyến vì lý do kỹ thuật |
| 4 | 09/6/2023 | A321 | VNA112 | AB344 | SGNDAD | Hủy chuyến vì lý do kỹ thuật |
|   |           |      |        |       |        |                              |

### **Cách thức lập báo cáo Mẫu HHK-6**

#### **a) Nội dung, yêu cầu báo cáo:**

- Yêu cầu: thống kê tổng số chuyến bay cất cánh tại cảng hàng không Việt Nam bị chậm chuyến (Mục I.1) hủy chuyến (Mục II.1) theo nguyên nhân của ngày báo cáo và chi tiết nguyên nhân chậm chuyến (Mục I.2), hủy chuyến (Mục II.2) theo từng chuyến bay của từng ngày đối với từng cảng hàng không và toàn mạng cảng hàng không Việt Nam.

- Chuyến bay cất cánh từ cảng hàng không Việt Nam: từng cảng hàng không tương ứng và toàn mạng cảng hàng không Việt Nam.

- Định dạng báo cáo:

+ Báo cáo được lập dưới định dạng excel.

+ Thời gian được định dạng ngày: DD/MM/YY. Ví dụ 29/MAR/21.

+ Thời gian được định dạng giờ: phút (hh:ss). Ví dụ: chuyến bay AB123 giờ kế hoạch 10:15, giờ thực hiện 10:20.

- Cảng hàng không: tên cảng hàng không thực hiện việc báo cáo số liệu theo mẫu.

- Toàn mạng cảng hàng không Việt Nam: toàn bộ cảng hàng không Việt Nam thực hiện việc báo cáo số liệu theo mẫu.

- Các đơn vị báo cáo chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

#### **b) Đơn vị thực hiện báo cáo:** hãng hàng không Việt Nam.

**c) Cơ quan nhận báo cáo:** Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không hoặc đại diện Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

**d) Phương thức gửi, nhận báo cáo:** báo cáo qua Fax hoặc thư điện tử (E-mail), đồng thời gửi một (01) bản chính về các đầu mối tiếp nhận báo cáo hoạt động.

**đ) Thời hạn gửi báo cáo:** trước 15 giờ 00 ngày kế tiếp của ngày báo cáo.

**e) Tần suất thực hiện báo cáo:** báo cáo hàng ngày.

**g) Thời gian chốt số liệu báo cáo (kỳ báo cáo):** báo cáo số liệu diễn ra trong một ngày dương lịch từ 00 giờ 00 đến hết 23 giờ 59. Thời gian được tính theo giờ Hà Nội.

**h) Mẫu đề cương báo cáo:** không áp dụng.